

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2009
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2009**

KHÁNH HÒA, THÁNG 7 NĂM 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 – 22

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- Ông Bùi Quang Hùng - Chủ tịch
- Ông Cao Thành Đức - Ủy viên (nghỉ hưu từ ngày 9 tháng 5 năm 2009)
- Ông Nguyễn Thanh Lâm - Ủy viên
- Ông Lê Hoàng Anh - Ủy viên
- Ông Nguyễn Thanh Bình - Ủy viên
- Ông Đào Thanh Hoài - Ủy viên (bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2009)

Ban Tổng Giám đốc

- Ông Nguyễn Thanh Lâm - Tổng Giám đốc
- Ông Cao Thành Đức - Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2009)
- Ông Nguyễn Cao Ký - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Đăng Hiền - Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho từng kỳ hoạt động phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Thanh Lâm
Tổng Giám đốc
Khánh Hòa, ngày 21 tháng 7 năm 2009

Số. /Deloitte- AUDHN-RE

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là phát hành Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành công việc soát xét Báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910, “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc soát xét chỉ giới hạn trong việc phỏng vấn các nhân viên của Công ty cùng các thủ tục phân tích cơ bản khác để từ đó có được ý kiến về các số liệu tài chính của Công ty với mức độ đảm bảo thấp hơn so với một cuộc kiểm toán. Chúng tôi không tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính, vì thế chúng tôi không đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của Công ty.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình trạng tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, năm 2009 là năm đầu tiên Công ty thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ nên số liệu so sánh cùng kỳ năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là các số liệu chưa được soát xét.

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Đặng Văn Khải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2009	31/12/2008
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		306.443.092.149	232.670.414.526
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	165.249.748.829	132.285.007.521
1. Tiền	111		43.249.748.829	41.095.007.521
2. Các khoản tương đương tiền	112		122.000.000.000	91.190.000.000
II. Các khoản phải thu	130		75.822.324.456	62.498.888.380
1. Phải thu khách hàng	131		61.646.197.412	35.864.775.964
2. Trả trước cho người bán	132		5.689.411.921	17.099.001.173
3. Các khoản phải thu khác	138		10.713.344.060	11.761.740.180
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.226.628.937)	(2.226.628.937)
III. Hàng tồn kho	140	5	36.933.030.778	37.201.301.985
1. Hàng tồn kho	141		37.000.957.312	37.269.228.519
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(67.926.534)	(67.926.534)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.437.988.086	685.216.640
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		89.809.374	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.435.689.992	-
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154		5.105.953	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		907.382.767	685.216.640
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		535.505.655.504	565.619.026.525
I. Tài sản cố định	220		468.194.916.094	499.623.464.324
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	452.324.502.041	490.315.061.152
- Nguyên giá	222		1.041.069.517.941	1.036.883.500.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(588.745.015.900)	(546.568.439.057)
2. Tài sản cố định vô hình	227		99.256.250	253.355.145
- Nguyên giá	228		228.842.143	358.842.143
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(129.585.893)	(105.486.998)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	15.771.157.803	9.055.048.027
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		46.032.500.000	43.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	8	5.000.000.000	4.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	9	52.282.500.000	50.750.000.000
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(11.250.000.000)	(11.250.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		21.278.239.410	22.495.562.201
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	19.703.239.410	20.920.562.201
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.575.000.000	1.575.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		841.948.747.653	798.289.441.051

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2009	31/12/2008
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		601.326.035.878	562.883.653.206
I. Nợ ngắn hạn	310		143.786.463.563	136.154.427.580
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	10.675.124.783	10.890.385.920
2. Phải trả người bán	312		46.237.359.946	43.748.321.054
3. Người mua trả tiền trước	313		6.823.552.483	4.009.006.927
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		4.042.667.567	5.710.227.272
5. Phải trả người lao động	315		11.695.065.837	24.133.344.882
6. Chi phí phải trả	316	11	60.261.771.594	41.933.715.072
7. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		4.050.921.353	5.729.426.453
II. Nợ dài hạn	330		457.539.572.315	426.729.225.626
1. Vay và nợ dài hạn	334	12	456.881.268.435	425.614.091.246
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		658.303.880	1.115.134.380
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		240.622.711.775	235.405.787.845
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	239.454.234.006	233.127.141.507
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		174.090.860.000	174.090.860.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		7.382.907.915	7.382.907.915
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.972.722.507	12.972.722.507
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.424.620.554	4.200.552.531
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		40.583.123.030	34.480.098.554
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.168.477.769	2.278.646.338
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.127.293.569	2.278.646.338
2. Nguồn kinh phí	432		41.184.200	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		841.948.747.653	798.289.441.051

Nguyễn Thanh Lâm
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Cử
Kế toán trưởng

Ngày 21 tháng 7 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2008 đến ngày 30/6/2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	451.196.658.505	396.344.900.368
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	635.537	13.989.728
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		451.196.022.968	396.330.910.640
4. Giá vốn hàng bán	11	15	401.181.684.525	353.670.008.002
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.014.338.443	42.660.902.638
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	4.700.269.554	2.975.423.405
7. Chi phí tài chính	22	17	6.051.697.300	5.889.722.999
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.040.452.745	2.139.722.999
8. Chi phí bán hàng	24		20.625.376.099	19.144.662.479
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.754.281.051	8.065.840.208
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		18.283.253.547	12.536.100.357
11. Thu nhập khác	31	18	7.649.749.887	4.118.427.531
12. Chi phí khác	32		4.431.330.872	87.784.835
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.218.419.015	4.030.642.696
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.501.672.562	16.566.743.053
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.480.682.662	2.326.014.664
16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51+52)	60		18.020.989.900	14.240.728.389
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1.035,15	818,01

Nguyễn Thanh Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 7 năm 2009

Nguyễn Thành Cử
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
		từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009	từ ngày 1/1/2008 đến ngày 30/6/2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.501.672.562	16.566.743.053
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và hao mòn TSCĐ	02	44.876.367.952	45.713.920.916
Các khoản dự phòng	03	-	3.750.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.096.390.483)	(2.952.739.551)
Chi phí lãi vay	06	6.040.452.745	2.139.722.999
3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08	67.322.102.776	65.217.647.417
Tăng các khoản phải thu	09	(10.569.557.365)	(33.381.511.285)
Giảm/(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	268.271.207	(15.399.468.303)
Giảm/(Tăng) các khoản phải trả	11	5.319.679.956	(5.114.075.601)
Tăng/(giảm) chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	8.483.129.448	(1.816.443.042)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.180.227.497)	(2.178.789.488)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.250.000.000)	(518.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	37.492.000	88.546.200
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.925.101.680)	(2.318.894.615)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	61.505.788.845	4.579.011.283
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(16.019.453.166)	(37.358.615.813)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.732.500.000)	(28.290.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	200.000.000	-
4. Tiền thu lãi, cổ tức được chia	27	4.673.075.681	2.952.739.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.878.877.485)	(62.695.876.262)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.224.545.452)	(3.817.572.548)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.437.624.600)	(21.136.277.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.662.170.052)	(24.953.849.748)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	32.964.741.308	(83.070.714.727)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	132.285.007.521	134.115.487.398
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	165.249.748.829	51.044.772.671

Nguyễn Thanh Lâm
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Cử
Kế toán trưởng

Ngày 21 tháng 7 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa tiền thân là Điện lực Khánh Hòa - Đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty Điện lực 3 thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Theo Quyết định số 161/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Điện lực Khánh Hòa và chuyển Điện lực Khánh Hòa thuộc Công ty Điện lực 3 thành Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2005.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép đăng ký kinh doanh sửa đổi là 174.090.860.000 đồng, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Nhà nước chiếm 51%, tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên trong Công ty nắm giữ và cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp chiếm 49%.

Trụ sở chính của Công ty tại số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh sửa đổi số 3703000162 ngày 29 tháng 5 năm 2008, bao gồm các hoạt động sau:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng. Xây dựng, lắp đặt, quản lý, vận hành và sửa chữa các nhà máy thủy điện, nhiệt điện nhỏ, các loại máy điện diesel, máy phát điện diesel;
- Quản lý, vận hành lưới điện phân phối có cấp điện áp đến 110KV;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án nhà máy nhiệt điện nhỏ, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 110kv và các công trình viễn thông;
- Xây lắp các công trình điện, lưới điện và trạm điện có cấp điện áp đến 110KV, các công trình viễn thông công cộng, công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông ly tâm;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện; kinh doanh thiết bị viễn thông; kinh doanh thương mại, dịch vụ khách sạn, thiết bị và phần mềm máy vi tính, bất động sản, đại lý các dịch vụ viễn thông công cộng, vận chuyển hàng hóa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các khoản dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo quy định tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”. Mức trích lập cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

Các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi không được trích lập dự phòng mà xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, xử lý nợ tồn đọng. Các khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên phải xử lý như nợ phải thu không có khả năng thu hồi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có). Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các công trình hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng nhưng chưa được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao hoặc theo giá dự toán. Khi công trình được duyệt quyết toán, nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	3 - 10
Dụng cụ quản lý, tài sản khác	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian là 5 năm.

Chi phí đầu tư xây dựng dở dang

Chi phí đầu tư xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng chưa hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Chi phí đầu tư xây dựng dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và chi phí hoạt động viễn thông hỗ trợ cho khách hàng.

Công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian 24 tháng kể từ ngày xuất dùng.

Chi phí hoạt động viễn thông hỗ trợ cho khách hàng bao gồm giá trị các tài sản như điện thoại, thẻ cào, cáp, ăng ten, modem cáp... hỗ trợ cho các khách hàng sử dụng theo mức qui định bởi Trung tâm Viễn thông Di động Điện lực và Trung tâm Viễn thông Điện lực miền Nam. Các khoản chi phí hỗ trợ này được phân bổ dần vào chi phí trong thời gian 5 năm (đối với điện thoại, thẻ cào, cáp) và 2 năm (đối với ăng ten, modem cáp) theo hướng dẫn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Nguồn vốn - quỹ

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi là 174.090.860.000 đồng, trong đó: tỷ lệ cổ phần của Nhà nước chiếm 51%, tỷ lệ cổ phần do cán bộ, công nhân viên trong Công ty nắm giữ và cổ phần bán ra ngoài doanh nghiệp chiếm 49%.

Các quỹ khác như Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng phúc lợi.... do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Chi phí thuế thể hiện số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Tại Công văn số 2366/CT-QLDN 1 ngày 8 tháng 11 năm 2005, Cục thuế tỉnh Khánh Hòa đã chấp nhận cho Công ty được đăng ký miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho thời gian hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 5 năm tiếp theo.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	1.754.604.047	1.131.647.940
Tiền gửi ngân hàng	41.495.144.782	39.963.359.581
Các khoản tương đương tiền (*)	122.000.000.000	91.190.000.000
	165.249.748.829	132.285.007.521

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với mức lãi suất tùy theo qui định của mỗi ngân hàng tại từng thời điểm khác nhau.

5. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.926.138.649	23.590.375.394
Công cụ, dụng cụ	968.769.359	2.293.018.279
Chi phí SX, KD dở dang	8.681.414.543	8.203.621.668
Thành phẩm	-	33.367.567
Hàng hoá	5.424.634.761	3.148.845.611
Cộng giá gốc hàng tồn kho	37.000.957.312	37.269.228.519
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(67.926.534)	(67.926.534)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	36.933.030.778	37.201.301.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2009	25.710.668.091	326.465.093.907	665.330.820.882	18.999.964.020	376.953.309	1.036.883.500.209
Mua sắm mới	-	37.060.000	-	73.127.077	-	110.187.077
XDCB hoàn thành	787.588.343	3.422.574.552	4.955.045.172	-	-	9.165.208.067
Thanh lý	(188.115.608)	(4.272.817.429)	(628.444.375)	-	-	(5.089.377.412)
Tại ngày 30/6/2009	26.310.140.826	325.651.911.030	669.657.421.679	19.073.091.097	376.953.309	1.041.069.517.941
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2009	16.565.234.625	164.949.091.423	361.080.415.361	3.667.843.322	305.854.326	546.568.439.057
Trích khấu hao trong kỳ	1.005.044.075	13.811.715.676	29.667.457.734	341.024.527	14.935.302	44.840.177.314
Thanh lý	(1.580.803)	(2.087.869.654)	(574.150.014)	-	-	(2.663.600.471)
Tại ngày 30/6/2009	17.568.697.897	176.672.937.445	390.173.723.081	4.008.867.849	320.789.628	588.745.015.900
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2008	9.145.433.466	161.516.002.484	304.250.405.521	15.332.120.698	71.098.983	490.315.061.152
Tại ngày 30/6/2009	8.741.442.929	148.978.973.585	279.483.698.598	15.064.223.248	56.163.681	452.324.502.041

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 105.465.754.632 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 77.477.986.476 đồng)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2008 đến ngày 30/6/2008 VND
Số dư đầu kỳ	9.055.048.027	18.644.439.505
Tăng trong kỳ	16.936.964.941	11.749.153.662
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.165.208.067)	(9.500.036.528)
Chi phí sửa chữa lớn hoàn thành trong năm	(1.055.647.098)	(58.711.818)
Số dư cuối kỳ	15.771.157.803	20.834.844.821

8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2009 VND	31/12/2008 VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	1.900.000.000	900.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm	3.100.000.000	3.100.000.000
	5.000.000.000	4.000.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò	Số 12A Yersin, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	45	45	Sản xuất và kinh doanh điện năng; Quản lý, vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; Kinh doanh vật tư, thiết bị điện.
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm	Số 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	31	31	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bê tông ly tâm công nghiệp; Vận tải hàng hoá, kinh doanh vật liệu xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒASố 11 Lý Thánh Tôn, phường Vạn Thạnh,
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009
đến ngày 30 tháng 6 năm 2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu	-	200.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản ĐL miền Trung	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản ĐL Sài Gòn Vina	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản EVN-Land Nha Trang	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Vinasino	1.732.500.000	-
	52.282.500.000	50.750.000.000

Trong năm 2007, Công ty mua 750.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Thành, tương ứng với tỷ lệ 5% vốn điều lệ với giá mua là 25.000 đồng/1 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Công ty đã trích lập dự phòng khoản đầu tư này để ghi giảm giá trị theo mệnh giá do không có giá tham chiếu tin cậy trên thị trường.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc trình bày theo giá gốc là phù hợp và các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, nếu có, sẽ không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Kỳ hoạt động	Kỳ hoạt động
	từ ngày 1/1/2009	từ ngày 1/1/2008
	đến ngày 30/6/2009	đến ngày 30/6/2008
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	20.920.562.201	17.595.787.442
Tăng trong kỳ	4.729.121.359	4.478.968.229
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(5.946.444.150)	(3.276.638.944)
Số dư cuối kỳ	19.703.239.410	18.798.116.727

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.415.883.477	9.227.116.784
Tiền mua điện từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	36.390.911.045	32.114.786.331
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	8.344.781.872	127.134.592
Khác	1.110.195.200	464.677.365
	60.261.771.594	41.933.715.072

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

12. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Vay dài hạn	58.206.283.894	62.092.183.347
Vay từ Công ty Điện lực 3 (PC3) cho Dự án "Lưới điện Thành phố Nha Trang" (*)	31.554.068.900	33.857.920.191
Vay từ PC3 cho Dự án "Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối thị trấn Diên Khánh" (**)	26.652.214.994	28.234.263.156
Nợ dài hạn	409.350.109.324	374.412.293.819
Công ty Điện lực 3	17.759.430.768	17.759.430.768
Công ty TNHH Huy Quang	93.223.000	93.223.000
Công ty TNHH Long Phú	3.386.459.989	3.725.105.988
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (***)	388.110.995.567	352.834.534.063
	467.556.393.218	436.504.477.166
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (Được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	10.675.124.783	10.890.385.920
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả	10.661.804.783	10.538.419.921
Nợ dài hạn đến hạn trả	13.320.000	351.965.999
Số phải trả sau 12 tháng	456.881.268.435	425.614.091.246

(*) Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa với Công ty Điện lực 3 cho dự án "Lưới điện Thành phố Nha Trang" lãi suất vay là 6,90%/năm.

(**) Đây là khoản vay của 2 hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay lại vốn vay nước ngoài ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Công ty Điện lực 3 với lãi suất 6,82%/năm.
- Hợp đồng cho vay lại vốn tín dụng đầu tư phát triển ký ngày 28 tháng 12 năm 2006 giữa Công ty với Công ty Điện lực 3 với lãi suất 6,60%/năm.

(***) Phản ánh giá trị còn lại của lưới điện 110KV Khánh Hòa tiếp nhận từ Công ty Truyền tải điện 3 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong năm 2008. Theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản (tạm thời) ngày 26 tháng 3 năm 2009 với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, khoản nợ trên bao gồm giá trị tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn vay và sẽ được giảm trừ khỏi giá trị trên nếu khoản vay này chưa được thanh toán cho bên cho vay. Thời hạn chậm trả, lãi suất và phí chậm trả đối với phần còn lại sẽ được thỏa thuận sau.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, hợp đồng chuyển nhượng chính thức chưa được ký kết. Trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009, Công ty đã hạch toán chi phí lãi vay với số tiền là 3.979.243.599 đồng (năm 2008: 8.209.524.180 đồng) theo thông báo của Công ty Truyền tải điện 3 vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 1/1/2008	174.090.860.000	1.921.685.194	-	2.832.811.464	33.215.619.073	212.060.975.731
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	44.711.083.881	44.711.083.881
Điều chỉnh theo quyết toán thuế và kiểm toán nhà nước	-	-	-	-	(350.597.178)	(350.597.178)
Tăng vốn khác	-	5.461.222.721	-	-	(5.461.222.721)	-
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	12.972.722.507	1.367.741.067	(14.340.463.574)	-
Thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(1.035.676.663)	(1.035.676.663)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.367.741.064)	(1.367.741.064)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.890.903.200)	(20.890.903.200)
Tại ngày 1/1/2009	174.090.860.000	7.382.907.915	12.972.722.507	4.200.552.531	34.480.098.554	233.127.141.507
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	18.020.989.900	18.020.989.900
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	736.256.913	(736.256.913)	-
Chi quỹ	-	-	-	(512.188.890)	-	(512.188.890)
Thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(736.256.911)	(736.256.911)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(10.445.451.600)	(10.445.451.600)
Tại ngày 30/6/2009	174.090.860.000	7.382.907.915	12.972.722.507	4.424.620.554	40.583.123.030	239.454.234.006

Tháng 5 năm 2009, Công ty đã tạm chia cổ tức đợt 2 cho năm tài chính 2008 với mức 6% bằng tiền mặt, tương đương 10.445.451.600 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

CỔ PHIẾU

	30/6/2009	31/12/2008
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.409.086	17.409.086
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.409.086	17.409.086

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2008 đến ngày 30/6/2008 VND
Doanh thu bán điện	432.307.700.431	371.983.154.523
Doanh thu viễn thông và công nghệ thông tin	5.265.992.699	12.363.166.799
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác	13.622.965.375	11.998.579.046
Xây lắp điện	4.922.701.012	1.831.121.166
Khảo sát, thiết kế công trình điện	305.515.931	248.637.185
Cơ khí, thiết bị điện	-	5.201.102.313
Mắc dây, đặt điện	1.727.342.041	1.565.903.042
Sửa chữa, thí nghiệm điện	1.774.906.996	882.865.509
Sản phẩm khác	4.892.499.395	2.268.949.831
	445.930.665.806	383.981.733.569
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	635.537	13.989.728
Doanh thu thuần	451.196.658.505	396.344.900.368

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2008 đến ngày 30/6/2008 VND
Giá vốn bán điện	388.911.493.619	339.307.828.567
Giá vốn viễn thông và công nghệ thông tin	2.447.118.280	4.575.257.695
Giá vốn tiêu thụ sản phẩm khác	9.823.072.626	9.786.921.740
Xây lắp điện	4.401.540.513	1.612.532.783
Khảo sát, thiết kế công trình điện	187.633.009	121.182.014
Cơ khí, thiết bị điện	-	4.486.177.756
Mắc dây, đặt điện	1.208.302.072	984.783.007
Sửa chữa, thí nghiệm điện	1.088.975.049	655.202.139
Sản phẩm khác	2.936.621.983	1.927.044.041
	401.181.684.525	353.670.008.002

Giá vốn bán điện chủ yếu là tiền mua điện thương phẩm theo đơn giá quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2008 đến ngày 30/6/2008 VND
Lãi tiền gửi	3.763.338.681	2.947.072.884
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	5.666.667	5.666.667
Cổ tức, lợi nhuận được chia	909.737.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	21.527.206	22.683.854
	4.700.269.554	2.975.423.405

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2008 đến ngày 30/6/2008 VND
Chi phí lãi vay	6.040.452.745	2.139.722.999
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.244.555	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	3.750.000.000
	6.051.697.300	5.889.722.999

18. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2008 đến ngày 30/6/2008 VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	7.159.784.804	149.622.857
Phạt vi phạm hợp đồng	84.209.585	100.500.716
Thu nhập từ quà biếu, quà tặng	-	3.729.880.405
Thu nhập khác	405.755.498	138.423.553
	7.649.749.887	4.118.427.531

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2008 đến ngày 30/6/2008 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.020.989.900	14.240.728.389
Điều chỉnh cho các khoản:		
Lợi nhuận từ tài sản nhận bàn giao	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18.020.989.900	14.240.728.389
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.409.086	17.409.086
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.035,15	818,01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***20. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

- Ngày 23 tháng 8 năm 2006, Công ty đã ký Biên bản cuộc họp về triển khai việc hợp tác đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Sông Trang để thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Trang với tổng số vốn điều lệ là 16 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 45%. Dự kiến thời gian thành lập Công ty là tháng 10 năm 2006; khởi công quý 1 năm 2007 và phát điện vào quý 4 năm 2008. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 6 năm 2009, Công ty cổ phần trên chưa được thành lập như dự kiến.
- Ngày 31 tháng 8 năm 2006, Công ty đã ký Biên bản cuộc họp về triển khai việc hợp tác đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Sông Cầu và Khánh Thượng để thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Khánh Hòa với tổng số vốn điều lệ là 15 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 30%. Dự kiến thời gian thành lập Công ty là tháng 10 năm 2006; khởi công quý 2 năm 2007 và phát điện vào quý 4 năm 2009. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 6 năm 2009, Công ty cổ phần trên chưa được thành lập như dự kiến.
- Ngày 16 tháng 6 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 54/QĐ-ĐLKH-HĐQT góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN-Lào với số tiền 6 tỷ đồng, tương ứng với 0,25% vốn điều lệ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2009, số vốn trên chưa được góp do chưa thành lập Công ty Cổ phần EVN – Lào.
- Ngày 31 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 120/NQ-ĐLKH-HĐQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 với số tiền 12 tỷ đồng, tương ứng 2% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, Công ty đã góp số tiền là 1,8 tỷ đồng.
- Ngày 31 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 121/NQ-ĐLKH-HĐQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Bất động sản miền Trung với số tiền 30 tỷ đồng, tương ứng 2% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã góp 9 tỷ đồng.
- Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị lần thứ 11 ngày 31 tháng 10 năm 2007, Công ty sẽ tham gia đầu tư vào các đơn vị sau:
 - Đầu tư vào Công ty Bất động sản Điện lực Nha Trang với số tiền là 80 tỷ đồng, chiếm 8% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty đã góp 6 tỷ đồng.
 - Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Bắc Cam Ranh với số tiền là 18,6 tỷ đồng, chiếm 31% vốn điều lệ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2009, Công ty chưa thực hiện việc góp vốn.
- Ngày 21 tháng 11 năm 2008, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 251/NQ-ĐLKH-HĐQT về việc đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Thiết bị điện Vinasino với số tiền 5,775 tỷ đồng, tương ứng với 5% vốn điều lệ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2009, Công ty đã góp khoảng 1,733 tỷ đồng.
- Ngày 24 tháng 3 năm 2009, Hội đồng Quản trị đã họp và ra Nghị quyết số 19/NQ-ĐLKH-HĐQT về việc tăng vốn góp đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chò từ 8 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng, tương ứng với việc tăng tỷ lệ sở hữu từ 20% lên 45% vốn điều lệ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2009, Công ty đã góp khoảng 1,9 tỷ đồng.
- Ngày 9 tháng 5 năm 2009, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã họp và ra Nghị quyết về việc phát hành cổ phiếu để thanh toán tài sản lưới điện 110KV Khánh Hòa. Cụ thể:

Công ty chia cổ tức đợt 3 cho năm tài chính 2008 với tỷ lệ 7,24% bằng cổ phiếu phổ thông và 12,76% bằng cổ phiếu thưởng;

Chào bán 21.089.270 cổ phiếu phổ thông trong năm 2009 với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu; và

Chào bán 10.495.043 cổ phiếu phổ thông trong năm 2010 với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm:

- Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 1.152.583.592 đồng (2008: 1.180.531.838 đồng), là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.
- Tiền vay thêm trong kỳ không bao gồm số tiền 35.018.578.103 đồng là thuế GTGT của lưới điện 110KV nhận bàn giao từ Công ty Truyền tải điện 3 - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh tại khoản mục tăng chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác.
- Các nghiệp vụ phân chia lợi nhuận sau thuế để tăng vốn điều lệ và tăng các quỹ: thuyết minh số 13.

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009.

23. SỐ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009 VND	Kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2008 đến ngày 30/6/2008 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	254.951.368.228	566.568.939.913
Mua điện thương phẩm	254.951.368.228	214.374.468.697
Nhận bàn giao tài sản cố định	-	349.927.897.630
Nhận vật tư bàn giao	-	2.266.573.586
Công ty Điện lực 3	6.123.357.470	5.984.375.736
Trả gốc vay	3.943.163.495	3.805.586.248
Trả lãi vay	2.180.193.975	2.178.789.488
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm	2.967.000.000	-
Nhượng bán tài sản cố định	2.967.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

23. SỐ DƯ VÀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/6/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	424.501.906.612	384.949.320.394
Tiền mua điện thương phẩm	36.390.911.045	32.114.786.331
Tiền mua TSCĐ, vật tư	388.110.995.567	352.834.534.063
Công ty Điện lực 3	85.543.485.839	90.817.021.079
Gốc vay công trình cải tạo lưới điện phân phối Nha Trang	31.554.068.900	33.857.920.191
Gốc vay công trình cải tạo lưới điện phân phối Diên Khánh	26.652.214.994	28.234.263.156
Gốc nợ công trình cải tạo lưới điện phân phối Diên Khánh	16.571.126.310	16.571.126.310
Gốc nợ nguồn hình thành tài sản tài sản từ nguồn vốn khấu hao cơ bản của Công ty Điện lực 3	1.188.304.458	1.188.304.458
Phải trả khác	9.577.771.177	10.965.406.964
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chồ	1.111.017.600	1.111.017.600
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	1.111.017.600	1.111.017.600
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm	3.263.700.000	-
Nhượng bán tài sản cố định	3.263.700.000	-

24. THÔNG TIN SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.